

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 533/SZB-KT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở “Khu công nghiệp Thanh Phú” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, địa chỉ tại số 1, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Thanh Phú có địa chỉ tại phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Thanh Phú.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47221000359 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 9 năm 2013; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601867699 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 9 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 3601867699.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư được phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C10
2	Sản xuất đồ uống	C11
3	Ngành dệt (không có công đoạn nhuộm)	C13
4	Sản xuất trang phục (may mặc)	C14
5	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm thuộc da, sơ chế da)	C15
6	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16
7	Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (không có công đoạn sản xuất bột giấy hoặc công đoạn tẩy trắng)	C17
8	In, sao chép bản ghi các loại (công đoạn in trong ngành may mặc)	C181
9	Sản xuất hóa chất và sản phẩm của hóa chất	C20
10	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C21
11	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa gia dụng...)	C22
12	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác vật liệu xây dựng, sản xuất công bê tông đúc sẵn, bê tông tươi xây dựng, đồ gốm. ...)	C23
13	Sản xuất kim loại (không bao gồm sản xuất kim loại từ quặng)	C24
14	Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (cơ khí chính xác) (không bao gồm công đoạn xi mạ)	C25 (trừ C252)
15	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (chủ yếu là lắp ráp điện tử)	C26
16	Sản xuất thiết bị điện	C27
17	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (đồ gia dụng)	C28
18	Ngành sản xuất lắp ráp ô tô. Sản xuất lắp ráp chế tạo xe và phụ tùng các loại xe ô tô, xe máy, xe đạp	C29
19	Lắp ráp xe đạp, xe máy, các phương tiện vận tải chuyên dụng	C30
20	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (đồ gia dụng)	C31
21	Công nghiệp chế biến, chế tạo (sản xuất thiết bị y tế)	C32
22	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C33
23	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (điện gió, điện mặt trời, điện khác)	D351
24	Thoát nước và xử lý nước thải (bao gồm hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung)	E3700
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	F42
26	Bán buôn	G46
27	Bán lẻ	G47
28	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	H4933
29	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H52
30	Bưu chính và chuyển phát	H53
31	Dịch vụ lưu trú khác	I559
32	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác	I562
33	Viễn thông	K61
34	Hoạt động tài chính, ngân hàng	L64
35	Hoạt động kinh doanh bất động sản	M681
36	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật	N71
37	Hoạt động kiểm tra và phân tích kỹ thuật	N721
38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác	N74

TT	Tên ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
39	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	O77
40	Hoạt động vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	O81
41	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	O823
42	Hoạt động y tế	R86

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 177,20 ha. Trong đó:

+ Giai đoạn 1: 137,04 ha (đã hoàn thành).

+ Giai đoạn 2: 40,16 ha (tiếp tục thực hiện).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến hết ngày .17. tháng .12. năm 2032).

Giấy phép môi trường số 476/GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ phận Một cửa, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Lưu: VT, MT, HHA.11.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Thanh Phú.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp hoạt động trong Khu công nghiệp Thanh Phú.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Suối Vũng Vọng sau đó chảy vào sông Đồng Nai thuộc địa phận phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Suối Vũng Vọng, phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải: $X = 1217277$ và $Y = 400617$ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ múi chiều 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $2.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Tự chảy (nước thải sau xử lý từ trạm xử lý nước thải tập trung theo mương dẫn nước thải chảy vào tuyến cống thoát nước của Khu công nghiệp ra suối Vũng Vọng sau đó chảy vào sông Đồng Nai thuộc địa phận phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai).
- Hình thức xả: Xả mặt ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 1,2$ và $K_f = 1,0$) và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến ngày 31/12/2031	Kể từ ngày 01/01/2032		
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	≤ 40	03 tháng/lần (theo cam kết của Chủ cơ sở)	Đã lắp đặt
2	pH	-	6-9	6-9		
3	COD	mg/l	90	≤ 60		
4	TSS	mg/l	60	≤ 30		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,0	≤ 5		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Đến ngày 31/12/2031	Kể từ ngày 01/01/2032		
6	Độ màu	Pt - Co	50	≤ 50	03 tháng/lần	Không yêu cầu
7	BOD ₅	mg/l	36	≤ 30		
8	Pb	mg/l	0,12	$\leq 0,1$		
9	Cd	mg/l	0,06	$\leq 0,02$		
10	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,06	$\leq 0,1$		
11	Tổng Crom (Cr)	mg/l	-	$\leq 0,5$		
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	0,24	-		
13	Đồng (Cu)	mg/l	2,4	$\leq 1,0$		
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3,6	$\leq 1,0$		
15	Niken (Ni)	mg/l	0,24	$\leq 0,1$		
16	Mangan (Mn)	mg/l	0,6	$\leq 2,0$		
17	Sắt (Fe)	mg/l	1,2	$\leq 2,0$		
18	Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,084	$\leq 0,2$		
19	Tổng Phenol	mg/l	0,12	$\leq 1,0$		
20	Phenol	mg/l	-	$\leq 0,1$		
21	Clo dư (Cl ₂)	mg/l	1,2	$\leq 1,0$		
22	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,24	$\leq 0,2$		
23	Florua (F ⁻)	mg/l	6,0	$\leq 3,0$		
24	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	600	≤ 500		
25	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	24	≤ 20		
26	Tổng photpho (T-P)	mg/l	4,8	≤ 4		
27	Dầu mỡ khoáng	mg/l	6,0	≤ 1		
28	Asen (As)	mg/l	0,06	$\leq 0,05$		
29	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,006	$\leq 0,001$		
30	Coliform	MPN/100mL	3.000	≤ 3.000		
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	-		
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	-		
33	PCB	mg/l	0,0036	$\leq 0,003$	01 năm/lần	
34	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,06	$\leq 0,05$		
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,36	$\leq 0,3$		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01) được thu gom đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung có tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

- Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp (nguồn số 02) được xử lý sơ bộ đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thạnh Phú sau đó thu gom về nhà máy xử lý nước thải tập trung tổng công suất thiết kế 2.500 m³/ngày để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể trung hòa → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: NaOH (32%), H₂SO₄, Polymer anion, Javen 10% (NaOCl), Chlorine 70% (Ca(OCl)₂), phèn nhôm (KAl(SO₄)₂.12H₂O), Polymer khác (chất khử màu BWD – 01), chất dinh dưỡng – mật ri (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này).

1.2.2. Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể SBR A/B → Bể trung gian → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: NaOH (32%), H₂SO₄, Polymer anion, Javen 10% (NaOCl), Chlorine 70% (Ca(OCl)₂), phèn nhôm (KAl(SO₄)₂.12H₂O), Polymer khác (chất khử màu BWD – 01), chất dinh dưỡng – mật ri (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc (sử dụng chung của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 01 và 02), trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), COD, TSS, pH, Nhiệt độ, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera giám sát: Đã lắp 02 camera giám sát (quan sát nhà trạm và quan sát kênh xả thải).

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc đã được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Hồ sự cố có dung tích thiết kế khoảng 1.672 m³, đáy được phủ bạt HDPE chống thấm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành về môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhận.

- Lấy mẫu định kỳ để phân tích theo kế hoạch kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của Khu công nghiệp.

- Kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp.

- Đã lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

- Đã bố trí thiết bị đo nhanh tại hiện trường (có khả năng phân tích các thông số ô nhiễm cơ bản trong nước thải như: pH, DO) để theo dõi, giám sát chất lượng nước thải. Định kỳ nhân viên vận hành lấy mẫu, phân tích nước thải đầu vào, đầu ra để theo dõi chất lượng nước thải và có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

b) Quy trình ứng phó sự cố đối với nhà máy xử lý nước thải tập trung:

Đã xây dựng các kịch bản phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và đưa ra các giải pháp cụ thể để khắc phục:

- Trường hợp 1: Sự cố về lưu lượng nước thải đầu vào hoặc chất lượng nước thải đầu vào vượt tiêu chuẩn thiết kế của nhà máy xử lý nước thải tập trung: Khi xảy ra sự cố, nhà máy xử lý nước thải tập trung sẽ ngưng xả thải để rút hết nước từ hồ hoàn thiện sang hồ sự cố; Khóa van cửa xả nước ra suối Vũng Vọng, nước thải được chảy về hồ sự cố; xác định cơ sở thứ cấp xả thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải và khắc phục sự cố. Khi nước thải đầu vào đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải tập trung thì vận hành lại hệ thống bình thường, chuyển lượng nước thải chứa trong hồ sự cố về bể thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý lại.

- Trường hợp 2: Chất lượng nước đầu ra sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung vượt quy chuẩn:

+ Kiểm tra và ngưng xả nước thải sau xử lý của từng giai đoạn không đạt chảy ra hồ hoàn thiện.

+ Trường hợp nước thải sau xử lý tại hồ hoàn thiện không đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn xả thải, ngay lập tức đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận tại hồ hoàn thiện, đồng thời ngưng xả nước thải sau xử lý tại các giai đoạn ra hồ hoàn thiện, mở van dẫn nước thải sau xử lý về hồ sự cố để lưu trữ. Cán bộ vận hành rà soát tìm nguyên nhân, sau đó tiến hành khắc phục và bơm nước thải từ hồ sự cố về bể thu gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

- Trường hợp 3: Máy móc, thiết bị của nhà máy xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng: Khi phát hiện sự cố về máy móc, thiết bị hư hỏng, sẽ đóng van dẫn nước sau xử lý vào hồ hoàn thiện và đồng thời bơm nước đầu vào ra hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Nhanh chóng huy động lực lượng để thay thế thiết bị dự phòng. Sau khi hệ thống đã được khắc phục, vận

hành hệ thống lại bình thường; sau khi khắc phục, nước thải được bơm từ hồ sự cố về bể thu gom để tiếp tục quy trình xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải vào hệ thống xử lý nước thải
1	pH	-	5-10
2	Màu	Pt-Co	50
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	200
4	COD	mg/l	300
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
7	Tổng phốt pho	mg/l	6
8	Tổng Nito	mg/l	30
9	Amoniac (tính theo Nito)	mg/l	10
10	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,24
11	Nhiệt độ	°C	45
12	Asen (As)	mg/l	0,06
13	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,006
14	Chì (Pb)	mg/l	0,12
15	Cadimi (Cd)	mg/l	0,06
16	Crom (VI)	mg/l	0,06
17	Crom (III)	mg/l	0,24
18	Đồng (Cu)	mg/l	2,4
19	Kẽm (Zn)	mg/l	3,6
20	Niken (Ni)	mg/l	0,24
21	Mangan (Mn)	mg/l	0,6
22	Sắt (Fe)	mg/l	1,2
23	Tổng xianua	mg/l	0,084
24	Tổng phenol	mg/l	0,12
25	Clo dư	mg/l	1,2
26	Florua (F ⁻)	mg/l	6,0
27	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	600
28	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
29	Tổng PCB	mg/l	0,0036
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,06
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,36
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Không quá 06 tháng kể từ ngày vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn 02 công suất 2.000 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Bể thu gom nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2.

- Đầu ra: Sau bể khử trùng của Nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cơ sở và các cơ sở thứ cấp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của Khu công nghiệp. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Tổng hợp, đánh giá số liệu quan

trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong Giấy phép môi trường này.

3.5. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.6. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

3.7. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn tiếp nhận đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

3.8. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Cụm máy thổi khí của nhà đặt máy thổi khí giai đoạn 01.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Cụm máy sục khí bề mặt của giai đoạn 02.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

62

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	4
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	35
Tổng khối lượng			39

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải khác với các loại trên (Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải)	12 06 05	210.150
2	Bùn nạo vét định kỳ từ các hố gas của hệ thống thu gom nước thải	12 06 05	138.008
3	Hộp mực in thải	08 02 04	2
4	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	4
Tổng khối lượng			348.164

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn nạo vét hệ thống thu gom nước mưa	438.038
2	Bùn hút hầm cầu bể tự hoại	100
3	Cặn, cát, rác thải từ song chắn rác của nhà máy xử lý nước thải	1.000
Tổng khối lượng		439.138

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,84 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng có nắp đậy, chứa riêng đối với từng loại chất thải.

2.1.2. Kho chất thải nguy hại:

- Số lượng: 01 kho.

- Diện tích kho lưu chứa: 32 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng khép kín với nền bê tông chống thấm, có gờ bao thu gom chất thải lỏng chảy tràn và thiết bị phòng, chống sự cố do chất thải nguy hại gây ra, trong từng ô lưu giữ có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa.

- Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt; các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được phân loại, thu gom vào các thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa.

- Kho lưu chứa: Lưu chứa chung với khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có tổng diện tích 32 m².

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 07/2025/TT-BTNMT).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 137,04 ha trong tổng diện tích 177,20 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Thanh Phú” tại phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện, cụ thể như sau:

2.1. Tiếp tục hoàn thiện thủ tục giao đất và xây dựng hoàn thiện hạ tầng trên diện tích 40,16 ha còn lại của Khu công nghiệp.

2.2. Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải sau khi hoàn tất giải phóng mặt bằng theo quy hoạch được duyệt.

2.3. Xây dựng và lắp đặt bổ sung các giai đoạn tiếp theo của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tổng công suất của các Nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt 5.600 m³/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể SBR (A/B) → Bể trung gian → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Hồ hoàn thiện → Bể khử trùng → Trạm quan trắc tự động, liên tục → Nguồn tiếp nhận là suối Vũng Vọng (chảy ra sông Đồng Nai, đoạn thuộc phường Tân Triều, tỉnh Đồng Nai).

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Cập nhật và ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng; Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Phối hợp chặt chẽ với các dự án, cơ sở thứ cấp kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

8. Bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc đã thống nhất, thỏa thuận về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải với các chủ dự án, cơ sở thứ cấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục đầu tư và môi trường theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án đang thực hiện thủ tục môi trường, các dự án trong quá trình thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp có thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình phải đảm bảo có hợp đồng thỏa thuận đầu nối, tiếp nhận nước thải theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường này và đảm bảo không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải.

9. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải kiểm soát, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan. Việc tạm trú, lưu trú trong Khu công nghiệp cần thực hiện theo đúng quy định tại Điều 25 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

10. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các quy định khác của chính quyền địa phương.

12. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /